

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ NĂM 2025 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

*Theo chức năng, nhiệm vụ, các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CDS) bám sát theo Đề cương dưới đây (đối với một số nội dung có yêu cầu **Phụ lục kèm theo**, các sở, ban, ngành, địa phương lưu ý **cung cấp các phụ lục chi tiết kèm theo báo cáo** để gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Nội dung Đề cương cụ thể như sau:*

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

Các sở, ban, ngành và địa phương đánh giá tổng thể, khái quát các kết quả và thành tựu quan trọng nhất đã đạt được sau một năm triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW. Trong đó: Làm rõ sự thay đổi và tác động tích cực đã tạo ra trong hệ thống và tại cơ quan, đơn vị. Thành tựu nổi bật là những kết quả có thể định lượng, so sánh được so với thời điểm trước khi triển khai, hoặc những cải tiến mang tính đột phá có tác động tích cực, sâu rộng đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hoặc trên phạm vi toàn quốc; định lượng giá trị kinh tế (cắt giảm chi phí cho người dân/doanh nghiệp) và tỷ lệ hài lòng của người dùng đối với các dịch vụ, tiện ích.

Sở Khoa học và Công nghệ (Sở KHCN) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo về kết quả các chỉ tiêu đặt ra tại Nghị quyết 57 (so sánh với thời điểm trước khi thực hiện Nghị quyết và đề xuất lộ trình cho năm 2026). Ví dụ: các mục tiêu định lượng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 57-NQ/TW gồm: Đóng góp của Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; Quy mô kinh tế số $\geq 30\%$ GDP; Tỷ lệ chi cho R&D đạt 2% GDP (trong đó xã hội $> 60\%$); Chi NSNN cho KHCN, ĐMST, CDS $\geq 3\%$ tổng chi NSNN; Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST $> 40\%$,...

Sở Tài chính xác định tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GDP (thời điểm hiện tại).

Tóm lại: Những kết quả đạt được trong năm 2025 đã góp phần **“Hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực, tạo dựng nền tảng”**.

II. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Nghị quyết 57 tại cơ quan, khối cơ quan; hiệu quả đem lại

** Lưu ý: Trong đó cung cấp số lượng (có phân loại) các văn bản chỉ đạo, điều hành để thúc đẩy triển khai các nội dung, nhiệm vụ về KHCN, ĐMST, CDS.*

2. Thông kê nhiệm vụ được giao

Tổng số nhiệm vụ được giao, trong đó: (1) Số nhiệm vụ đã hoàn thành (số nhiệm vụ hoàn thành trong hạn, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn); (2) Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành; (3) Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn (Cụ thể tại **Chỉ thị số 013/CT-UBND ngày 02/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh**).

** Lưu ý: Các Sở, ban, ngành và địa phương báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại **Chỉ thị số 013/CT-UBND ngày 02/12/2025 đầy đủ, chính xác, có minh chứng kèm theo để Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo có căn cứ tổng hợp, báo cáo.***

3. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về KHCN, ĐMST, CDS

Các sở, ban, ngành và địa phương báo cáo kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý PAKN, SKGP về KHCN, ĐMST, CDS trên hệ thống **pakn.nq57.vn**: Tổng số PAKN-SKGP đã tiếp nhận thuộc phạm vi xử lý của cơ quan; số lượng đã trả lời; số lượng đang xử lý, số lượng tồn đọng (nếu có); các nội dung PAKN, SKGP tập trung vào những vấn đề gì?

Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp các nội dung phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp liên quan đến Thủ tục hành chính; Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp về KHCN, ĐMST, CDS trên hệ thống **pakn.nq57.vn**.

Đánh giá về các nội dung (1, 2, 3): Tóm lược những điểm tích cực đã làm được; những hạn chế, tồn tại; nguyên nhân; trách nhiệm của các bên liên quan.

III. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- **Số lượng, thông tin liên quan** về các văn bản quy phạm pháp luật, quy định/quy chế/hướng dẫn/chương trình/đề án về KHCN, ĐMST, CDS cần ban hành; đã ban hành; đang trình cấp có thẩm quyền ban hành; còn phải ban hành trong thời gian tới (trong đó văn bản nào chậm, muộn) (**có danh sách văn bản đã ban hành tại Phụ lục I chi tiết kèm theo**).

- Đối với **các văn bản đã ban hành**, thực hiện rà soát, xác định những văn bản **chưa đáp ứng** yêu cầu liên quan đến việc **phân cấp, phân quyền, thực hiện TTHC, DVCTT toàn trình và các yêu cầu về CDS** trong bối cảnh hiện

nay. Từ đó, xác định những nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu **(có Phụ lục I chi tiết kèm theo)**.

- Về các quy trình nghiệp vụ đưa lên môi trường số: Số lượng quy trình cần ban hành; đã được ban hành, văn bản ban hành; số lượng còn lại chưa được ban hành (nếu có)?

- Những điển hình có thể làm bài học nhân rộng.

→ Các cơ quan, đơn vị và địa phương đề xuất những điển hình có thể làm bài học nhân rộng.

Nhận xét: Đánh những điểm tích cực đã làm được.

Lưu ý: Về các thông tin liên quan đến các văn bản: Các cơ quan chủ trì xây dựng văn bản liệt kê danh sách các văn bản đã ban hành, với mỗi văn bản, đề nghị làm rõ: số hiệu, tên, ngày ban hành, ngày có hiệu lực, **những cơ chế/chính sách/quy định mới (chỉ rõ điều, khoản, điểm)**, đã giải quyết được những vấn đề gì cho KHCN, ĐMST, CDS, cho xã hội, người dân, doanh nghiệp, cơ quan trong hệ thống chính trị; kể từ khi ban hành đã thực sự mang lại hiệu quả, giải quyết được điểm nghẽn và các vướng mắc khó khăn chưa? Còn những vấn đề gì chưa được giải quyết. Những văn bản nào đang hoặc sẽ xây dựng (dự kiến thời gian hoàn thành) để giải quyết những khó khăn vướng mắc, thúc đẩy KHCN, ĐMST, CDS?

2. Những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân; trách nhiệm của các bên liên quan.

Nêu rõ những hạn chế, tồn tại, điểm nghẽn; nguyên nhân đối với từng vấn đề và trách nhiệm của các bên liên quan.

→ Các cơ quan, đơn vị và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ báo cáo nội dung III nêu trên, trong đó riêng Sở Tư pháp có báo cáo tổng hợp về tình hình chung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về KHCN, ĐMST, CDS của các cơ quan (Phụ lục II kèm theo).

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Kết quả triển khai chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị và địa phương, nhất là trong việc thực hiện **Kế hoạch số 02-KH/BCĐ** của Ban Chỉ đạo, **Chỉ thị 013/CT-UBND** của **Chủ tịch UBND tỉnh**; Các chương trình, Đề án chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, **Đề án 06 của Chính phủ**. **→ Đề nghị các sở, ban, ngành và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý dựa trên nội dung về chuyển đổi số dưới đây để báo cáo về kết quả thực hiện chuyển đổi số của cơ quan, địa phương mình, trong đó lưu ý đối với một số nội dung cụ thể có chỉ rõ một số cơ quan, địa phương cần báo cáo.**

a) Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

(1) Tổng số TTHC của tỉnh (chỉ rõ số lượng cấp tỉnh; cấp xã)?. Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong Quý IV/2025 và lũy kế từ đầu năm 2025 đến nay? Trong đó bao nhiêu hồ sơ trực tuyến, bao nhiêu hồ sơ trực tiếp và hình thức khác, đạt tỷ lệ ?%. Trong đó:

- (1) Cấp tỉnh có có **bao nhiêu** TTHC, trong đó đã cung cấp được bao nhiêu DVCTT toàn trình, **bao nhiêu** DVCTT một phần; (2) Cấp xã có có **bao nhiêu** TTHC, trong đó đã cung cấp được bao nhiêu DVCTT toàn trình, **bao nhiêu** DVCTT một phần. Đối với mỗi cấp, số hồ sơ tiếp nhận trong Quý IV/2025 và lũy kế từ đầu năm 2025 đến nay? Trong đó bao nhiêu hồ sơ trực tuyến, bao nhiêu hồ sơ trực tiếp và hình thức khác, đạt tỷ lệ ?%. Kết quả cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp?; cung cấp DVCTT phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh?.

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp cung cấp các thông tin nêu trên.

- Hiệu quả mạng lại của việc cung cấp DVCTT: đối với tỉnh tiết kiệm được bao nhiêu tỷ đồng?. → ***Đề nghị Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh tổng hợp, đánh giá và cung cấp thông tin.***

(2) Bên cạnh đó:

- Kết quả thực hiện TTHC và DVCTT của các nhóm: 982 TTHC tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (***Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh cung cấp thông tin, số liệu tổng hợp và đánh giá tình hình triển khai***); 25 DVCTT toàn trình, 82 TTHC cung cấp DVCTT, 1.139 TTHC cần rà soát thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (***Đề nghị Công an tỉnh cung cấp thông tin, số liệu tổng hợp và đánh giá tình hình triển khai***).

(3) Về phân cấp, phân quyền gắn với TTHC/DVCTT: Đề nghị các Sở, ban, ngành của tỉnh và địa phương: (1) Báo cáo về số lượng TTHC được phân cấp, phân quyền cho cấp dưới trong năm 2025. Đánh giá sự phân cấp đó có được hỗ trợ bằng nền tảng số hay không (ví dụ: Chuyển quy trình xử lý lên môi trường số). Cần làm rõ: Việc phân cấp, phân quyền đã đi đôi với cơ chế giám sát trên môi trường số và đánh giá hiệu quả theo thời gian thực chưa (gắn với chuyển đổi số)? Phân cấp đã giảm bao nhiêu **khâu trung gian** so với trước đây? (2) Chỉ rõ những loại dữ liệu nào vẫn đang bị “**nghẽn**” (không sạch, không đủ, không liên thông) và cơ quan nào đang **chậm** trong việc chuẩn hóa/chia sẻ nguồn dữ liệu đó.

(4) Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan báo cáo về việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: (1) **Số lượng trường dữ liệu (gắn với bao nhiêu TTHC)** đã được chuẩn hóa, xác thực (đúng, đủ, sạch, sống) và cập nhật theo thời gian thực trong các Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành đã được xây

dựng/nâng cấp trong năm 2025 để có thể thay thế thành phần hồ sơ TTHC bằng dữ liệu, không yêu cầu người dân phải cung cấp/cung cấp lại thông tin; **(2)** Số lượng/tỷ lệ các TTHC được khai thác **hoàn toàn bằng dữ liệu** (không cần giấy tờ vật lý) trong quá trình thực hiện TTHC/DVCTT; **(3)** Chỉ rõ các lĩnh vực TTHC/dịch vụ công nào bị **đứt gãy** do thiếu dữ liệu, thiếu liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các Bộ, ngành, địa phương; đánh giá **định lượng** mức độ ảnh hưởng của sự đứt gãy đó (ví dụ: Số lượng hồ sơ phải yêu cầu bổ sung giấy tờ cũ).

(5) Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả công tác, giảm thời gian, chi phí, thúc đẩy văn minh xã hội (ví dụ: việc ứng dụng VNeID vào dịch vụ hàng không, phương tiện công cộng...; hóa đơn điện tử; thu phí không dừng; dịch vụ thanh toán tiền điện...) → **Đề nghị Công an tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp thông tin theo phạm vi quản lý của mình.**

b) Việc ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ:

Trong đó, việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, họp trực tuyến và nhiều tiện ích phục vụ công tác quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, rút ngắn thời gian và giảm chi phí cho các cơ quan và cán bộ, công chức như trong khối các cơ quan: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh; liên thông gửi nhận văn bản điện tử trong các cơ quan của tỉnh tiến tới liên thông trong toàn hệ thống chính trị cho các văn bản cấp độ Mật, Tối Mật; việc hiện đại hóa Trung tâm phục vụ hành chính công phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp; tiến độ triển khai 84 nền tảng số dùng chung, dùng riêng; hạ tầng số quốc gia... → **Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh cung cấp thông tin)**

c) Về phát triển dữ liệu

Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát lại toàn bộ các văn bản liên quan đến dữ liệu (thể chế, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiến trúc...; tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, chuyên ngành; việc số hóa hồ sơ, tài liệu (TTHC, DVC; xử lý hồ sơ công việc...), dữ liệu chuyên ngành (đất đai, môi trường, hộ tịch, y tế, giáo dục, ...). Trên cơ sở đó, đánh giá hiện trạng, và có giải pháp đề xuất để hoàn thiện, thúc đẩy - **đề nghị cung cấp Phụ lục III chi tiết kèm theo);**

d) Những điển hình có thể làm bài học nhân rộng trong chuyển đổi số

→ **Các cơ quan, đơn vị và địa phương đề xuất những điển hình có thể làm bài học nhân rộng.**

2. Một số tồn tại, hạn chế

a) Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Đánh giá trực diện chất lượng DVCTT đã đáp ứng kỳ vọng, mục tiêu đề ra chưa? cao hay thấp (**có số liệu định**

lượng cụ thể)?, trong đó: **(1)** Các TTHC về các tiêu chí theo Bộ Chỉ số 766/QĐ-TTg đối với cấp bộ, cấp tỉnh bao gồm: (i) *Tỷ lệ công khai minh bạch?* (ii) *Tỷ lệ giải quyết đúng hạn, sớm hạn, quá hạn;* (iii) *Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình?*; (iv) *Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến?*; (v) *Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết?*; (vi) *Tỷ lệ tái sử dụng thông tin, dữ liệu;* (vii) *Hạn chế trong cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp?*; trong cung cấp DVCTT phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh? → **Văn phòng UBND tỉnh cung cấp thông tin** **(3)** Tồn tại hạn chế về năng lực số của cán bộ, công chức và người dân ở cơ sở? các vấn đề có liên quan đến TTHC/DVCTT → **Đề nghị các Sở, ngành, địa phương cung cấp thông tin.**

b) Về ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp:

(i) *Kết quả việc xóa các điểm lờm sáng, thiếu điện (Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Công Thương báo cáo)).* Trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), nhất là tại cấp xã có thiếu, lạc hậu không?

(ii) Có tình trạng gặp lỗi, chưa thông suốt của các hệ thống dùng chung trong các cơ quan của hệ thống chính trị hay không (ví dụ: Cổng DVCQG,...)

(iii) Chức năng của các hệ thống, ứng dụng có khó sử dụng, giao diện phức tạp, chưa thân thiện hay không? (nêu rõ tên hệ thống, ứng dụng)

(iv) Các hệ thống thông tin đã được kết nối, chia sẻ thuận tiện hay chưa? Cán bộ có phải làm việc trên nhiều hệ thống phần mềm, phải nhập lại dữ liệu nhiều lần, gây lãng phí thời gian và làm giảm hiệu suất công việc không? phần mềm nội bộ của các bộ, ngành, địa phương hoạt động có bị phân mảnh, rời rạc, chưa liên thông hay không? (nêu rõ tên hệ thống, phần mềm)

(v) Nhận thức, hướng dẫn về số hoá dữ liệu đã đầy đủ chưa? (nêu rõ vấn đề còn thiếu, hoặc chưa nhận thức rõ hoặc còn vướng mắc chưa thực hiện được).

(vi) Việc ứng dụng chuyển đổi số vào công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị có gặp khó khăn gì?

→ **Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý cung cấp các thông tin về mục (b) nêu trên.**

c) Nguyên nhân và trách nhiệm các cơ quan liên quan

→ **Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương cung cấp thông tin** về các nguyên nhân gây ra những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn đã chỉ ra ở trên; xác định rõ trách nhiệm thuộc về cơ quan, đơn vị, địa phương nào? **(1)** *Về thể chế, quy định;* **(2)** *Về hạ tầng số; trang thiết bị;* **(3)** *Về các nền tảng, ứng dụng số;* **(4)** *Về an toàn thông tin, an ninh mạng (Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý cung cấp thông tin);* **(5)** *Về dữ liệu (đúng – đủ – sạch – sống); tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, chuyên ngành gây ra sự ảnh hưởng (Công an tỉnh cung cấp thông tin);* **(6)** *Về nhân sự chuyên trách CNTT, CDS, nhất là ở cấp xã; công tác bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số;* **(7)** *Việc bố trí kinh phí cho*

chuyển đổi số....

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả đạt được

a) Về việc triển khai các công nghệ chiến lược

- Về triển khai Quyết định số 1131/QĐ-TTg: Đánh giá tổng quan tình hình triển khai 11 nhóm công nghệ và 35 nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược. Phân tích rõ các nhóm sản phẩm đã hình thành thị trường, nhóm đang thử nghiệm (sandbox) và nhóm đang nghiên cứu cơ bản.

- Về các sản phẩm ưu tiên triển khai năm 2025: Báo cáo kết quả cụ thể đối với các nhóm sản phẩm trọng tâm đã được xác định (*Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và Trợ lý ảo; AI Camera/Edge AI; Robot tự hành; Mạng 5G; Blockchain; UAV*). Đối với từng sản phẩm, cần làm rõ: **(1)** Mức độ làm chủ công nghệ: Tỷ lệ nội địa hóa và khả năng tự chủ về công nghệ lõi (so sánh với mục tiêu đề ra); **(2)** Năng lực doanh nghiệp: Danh sách các doanh nghiệp dẫn dắt (ví dụ: Viettel, FPT, VNPT, VinGroup, Phenikaa...) và kết quả thương mại hóa thực tế (doanh thu, thị phần); **(3)** Kết quả mô hình 3 Nhà: Số lượng nhiệm vụ/dự án hợp tác cụ thể giữa Doanh nghiệp - Viện/Trường - Nhà nước trong từng nhóm công nghệ

(Có Phụ lục IV kèm theo: Tình hình triển khai sản phẩm công nghệ chiến lược năm 2025, trong đó thể hiện được: Nhóm/sản phẩm công nghệ; Trạng thái triển khai (nghiên cứu/thử nghiệm/thương mại hóa), Doanh nghiệp/đơn vị chủ trì dẫn dắt; Tỷ lệ nội địa hóa(%), Kết quả/Sản phẩm; Khó khăn/Vướng mắc (cơ chế, vốn, nhân lực...))

→ **Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo các thông tin nêu trên.**

b) Về hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng đào tạo, nghiên cứu (viện – trường – phòng thí nghiệm)

→ **Đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin về các doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS đến nay (số lượng, thông tin cơ bản doanh nghiệp có phân theo các loại hình doanh nghiệp (nhà nước, tư nhân, FDI), doanh thu, thông tin xuất - nhập khẩu và các thông tin liên quan để phục vụ đánh giá, phân tích tình hình hoạt động của các doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS (cung cấp dữ liệu ở dạng EXCEL theo cấu trúc đã gửi hằng tháng).**

→ **Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý cung cấp thông tin về các cơ sở đào tạo, nghiên cứu (viện, trường, phòng thí nghiệm); việc thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến thúc đẩy phát triển các cơ sở này; Đánh giá mức độ tham gia của doanh nghiệp vào quá trình nghiên cứu, đào tạo và CDS của cơ quan/đơn vị (ví dụ: Số lượng đề tài/dự án có sự tham gia đồng tài trợ từ doanh nghiệp, số lượng sinh viên được thực tập tại các doanh nghiệp công nghệ, số lượng chương trình đào tạo được xây dựng theo nhu cầu của doanh nghiệp...).**

→ **Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan** cung cấp các thông tin sau: **(1)** Kết quả triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ) đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu và phát triển (R&D), ĐMST; **(2)** Kết quả hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước có quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt; **(3)** Đánh giá về “Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo” (so sánh với mục tiêu NQ57 là > 40%); **(4)** Kết quả phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, vai trò của các quỹ đầu tư mạo hiểm.

(Sở Khoa học và Công nghệ có báo cáo chi tiết về tình hình hoạt động của Doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS; phòng thí nghiệm trọng điểm theo phục lục VI kèm theo;

Sở Giáo dục và Đào tạo có báo cáo chi tiết về năng lực đào tạo, nghiên cứu, viện, trường, phòng thí nghiệm tại Phụ lục VII kèm theo);

c) Về Sở hữu trí tuệ

→ **Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin** về tình hình tiếp nhận, giải quyết đơn đăng ký Sở hữu công nghiệp; kết quả thực hiện các nhiệm vụ giao về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, chính sách về Sở hữu trí tuệ trong TBKL số 47-TB/TGV ngày 17/10/2025, trong đó có việc bổ sung các **quy định về xác định giá trị công nghệ** trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

d) Về Sàn giao dịch KHCN

→ **Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin** về việc triển khai Sàn đã được Ban Chỉ đạo giao? hiệu quả hoạt động của Sàn? **Mức độ thông thoáng để cá nhân, tổ chức thuận tiện trong đăng ký sáng kiến, ý tưởng, sản phẩm...?**

Lưu ý: Một số nhiệm vụ Sàn được giao tại các 02-KH/BCĐ ngày 06/11/2025 của Ban Chỉ đạo và Trong đó: báo cáo kết quả về nhiệm vụ được giao về ban hành hướng dẫn quy định rõ: (1) Quy trình hỗ trợ đăng ký, bảo hộ sở hữu trí tuệ cho sáng kiến; (2) Cơ chế chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin; (3) Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể tham gia.

e) Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

→ **Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ báo cáo các nội dung sau:**

- Kết quả triển khai các chương trình/đề án/nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực cho KHCN, ĐMST, CDS, nhất là trong bối cảnh sự phát triển của các công nghệ tiên tiến như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, công nghệ sinh học... (**→ Đề nghị Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ báo cáo về nội dung này tại Phụ lục VIII kèm theo).**

- Kết quả triển khai các cơ chế, chính sách đặc biệt để đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao (**→ Đề nghị Sở Nội vụ, Sở Khoa**

học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ báo cáo về nội dung này tại Phụ lục VIII kèm theo).

- Việc bố trí nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị;

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân...;

g) Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đô thị thông minh

→ Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và Sở, ngành, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, cung cấp các thông tin về tình hình triển khai:

+ (1) Kết quả hình thành phòng thí nghiệm đô thị (CityLab) và các bài toán ĐTTM đã đặt hàng cho doanh nghiệp giải quyết; (2) Kết quả đưa các bài toán ĐTTM làm “đặt hàng” cho mô hình hợp tác 3 Nhà.

h) Việc triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI – First)

→ Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại **02-KH/BCĐ** ngày **06/11/2025** của Ban Chỉ đạo; **Chỉ thị 013/CT-UBND** ngày **02/12/2025** đề cung cấp thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

→ Các sở, ban, ngành và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ đề xuất các nhiệm vụ cụ thể để thực hiện trong giai đoạn tới liên quan đến định hướng AI (nghiên cứu, ứng dụng, phát triển..).

i) Việc phát triển kinh tế dữ liệu

→ Đề nghị Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan cung cấp thông tin về việc phát triển kinh tế dữ liệu.

k) Diễn hình có thể làm bài học nhân rộng trong phát triển KHCN, ĐMST

→ Các cơ quan, đơn vị và địa phương đề xuất những diễn hình có thể làm bài học nhân rộng.

2. Tồn tại, hạn chế nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Nêu rõ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân; trách nhiệm các bên liên quan về các vấn đề liên quan đến các vấn đề nêu trên, như: Thể chế, chính sách; nền tảng, hạ tầng; dữ liệu; tài chính; nhân lực; sự phối hợp giữa các cơ quan... (**→ Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp thông tin**).

V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

Số kinh phí đã đăng ký, đã được phân bổ, đã giải ngân cho KHCN, ĐMST, CDS chung của tỉnh và của các sở, ngành và địa phương, trong đó phân tách rõ: nguồn kinh phí (chi đầu tư phát triển/chi thường xuyên); kinh phí cho KHCN, ĐMST; kinh phí cho CDS (***năm 2025 và giai đoạn tiếp theo***).

Bên cạnh đó, so sánh với mục tiêu đề ra đầu năm trên một số chỉ tiêu tại Nghị quyết 57 ví dụ: (1) Tỷ lệ chi cho R&D (nghiên cứu và phát triển) trên tổng kinh phí KH&ĐMST của cơ quan/ngành (so sánh với mục tiêu quốc gia 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%); (2) Tỷ lệ chi cho nghiên cứu công nghệ chiến lược (theo NQ57: Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược); (3) Kết quả hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ.

Nhận xét: Tóm lược những điểm tích cực đã làm được; những hạn chế, tồn tại (Rà soát lại toàn bộ quy trình, thể chế cho việc đăng ký, phân bổ, giải ngân của các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cấp xã đối với việc đầu tư, trang bị các hạng mục về KH&ĐMST, CDS (trang thiết bị, hạ tầng, phần mềm, dữ liệu, nghiên cứu khoa học, công nghệ cao...)). Từ đó xác định các vấn đề còn vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan.

→ Đề nghị Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp tổng hợp, báo cáo về nội dung này (Phụ lục V kèm theo).

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Kết quả các hoạt động về hợp tác quốc tế trong KH&ĐMST, CDS trong năm 2025.

Nhận xét: Tóm lược những điểm tích cực đã làm được; những hạn chế, tồn tại; nguyên nhân; trách nhiệm của các bên liên quan.

Lưu ý: Cần chỉ rõ số lượng các hoạt động hợp tác (cam kết, thỏa thuận hợp tác, dự án,...) đã được thực hiện, trong đó, làm rõ tỷ lệ các hoạt động đã tạo ra kết quả cụ thể (về vốn, công nghệ, tri thức...) cho Việt Nam.

→ Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo thông tin chi tiết.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Những thành tựu và thay đổi đột phá đã đạt được (chọn lọc những kết quả ấn tượng nhất) từ nhận thức đến triển khai thực thi và tạo ra kết quả thực tiễn cụ thể, có chiều sâu trong giai đoạn hiện tại và tạo nền tảng cho thời gian tới.

- Những tồn tại, điểm nghẽn cốt lõi (chỉ ra các vấn đề mang tính hệ thống, ảnh hưởng đến mục tiêu của Nghị quyết 57, ví dụ: về tư duy, thể chế, tổ chức thực hiện...).

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện (rút ra các bài học về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực thực thi và trách nhiệm giải trình).

Lưu ý: Đánh giá tổng hợp, bao quát trên các các nhóm vấn đề.

→ Đề nghị các sở, ban, ngành của tỉnh và địa phương cung cấp thông tin.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2026, TẠO NỀN TẢNG CHO GIAI ĐOẠN 2026-2030

Phần này nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc về các nhóm vấn đề đã chỉ ra, đồng thời xác định các **MỤC TIÊU** cụ thể (**phải đạt được trong năm 2026, hướng đến năm 2030**), các **GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ** trọng tâm cần thực hiện (đồng bộ với các chỉ thị, nghị quyết, thông báo kết luận của Trung ương, địa phương,...) về các nhóm vấn đề:

Lưu ý chung: Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra cần rõ việc, rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành, mục tiêu, kết quả đạt được. Các vấn đề về pháp lý, hạ tầng số, dữ liệu, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng, ứng dụng số cần có giải pháp để triển khai xuyên suốt và bảo đảm việc kết nối trong nội bộ cơ quan, trong khối cơ quan và giữa các khối cơ quan trong hệ thống chính trị.

Nhấn mạnh trong năm 2026 cần phải **“Hành động quyết liệt, Triển khai đột phá, Lan tỏa kết quả”**.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

Một số ví dụ gợi ý:

- Về thủ tục hành chính, dịch vụ Công trực tuyến:

Ngoài các mục tiêu về tỷ lệ DVCTT, cần bổ sung các KPIs về chất lượng dữ liệu (ví dụ: Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết mà không cần giấy tờ vật lý; Tỷ lệ TTHC áp dụng trí tuệ nhân tạo trong hồ trợ quá trình thực hiện, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ).

- Về phân cấp, phân quyền trong gắn với chuyển đổi số:

Các Sở, ngành, địa phương rà soát, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành Quy chế/quy định về việc phân cấp thẩm quyền gắn với phân bổ nguồn lực số (như quyền truy cập dữ liệu, sử dụng nền tảng chung). Phân cấp phải đi kèm với việc thực thi quản lý và giám sát trên nền tảng số để bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với KPI để đo lường được, ví dụ: **100% TTHC được phân cấp phải được giám sát hiệu suất theo thời gian thực thông qua các hệ thống điều hành số của cơ quan quản lý.**

- Về mục tiêu làm sạch dữ liệu đưa vào KPI trọng tâm của năm 2026:

- Về thúc đẩy mô hình hợp tác 3 nhà:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan: (1) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Khung chính sách thí điểm về cơ chế đặt hàng nghiên cứu trọng điểm từ doanh nghiệp cho các Viện/Trường, gắn với KPI Đo lường tiến độ, ví dụ như: Tối thiểu 05 Khung chính sách/quy chế thí điểm đã được ban hành và đưa vào áp dụng. (2) Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học sang thị trường, danh mục công nghệ sẵn sàng chuyển giao được thẩm định và công bố công khai.

- Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính (Chủ trì về thể chế, vốn hóa) chủ trì phối hợp: (1) Tháo gỡ rào cản pháp lý để giảng viên, nghiên cứu sinh có thể thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp ngay trong khuôn viên trường. Trong đó Quy định/Hướng dẫn chi tiết về việc thành lập, quản lý và chia sẻ lợi ích từ doanh nghiệp khởi nghiệp trong đại học gắn với KPI đo lường được, **ví dụ**: Tối thiểu 10% các trường Đại học trọng điểm có cơ chế/quy định nội bộ khuyến khích thành lập doanh nghiệp. (2) Khắc phục rào cản định giá tài sản trí tuệ để đưa vào góp vốn/kêu gọi đầu tư. Trong đó ban hành Thông tư/Văn bản hướng dẫn chi tiết về hoạt động thẩm định giá tài sản công nghệ (SHTT) để sử dụng làm tài sản góp vốn gắn với KPI đo lường được, **ví dụ**: Có 03-05 giao dịch thành công về góp vốn bằng tài sản trí tuệ đã được định giá theo quy định mới.

- Về phát triển các Khu Công nghệ cao, Đô thị Thông minh:

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Đề xuất các cơ chế, giải pháp để tiếp nhận phản hồi một cách minh bạch, kịp thời, đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan (người dân, doanh nghiệp, trường/viện, nhà khoa học, nhà sáng tạo...).

- Đề xuất giải pháp liên quan đến đo lường, xếp hạng các cơ quan, đơn vị, bộ, ngành, địa phương về các nội dung liên quan trực tiếp đến KHCN, ĐMST, CDS để tạo động lực thúc đẩy và cạnh tranh lành mạnh.

Đề xuất các giải pháp khác.

2. Về hoàn thiện thể chế, quy định, quy trình

3. Về bảo đảm nguồn nhân lực

4. Về tài chính, kinh phí

5. Về chuyển đổi số

5.1. Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ;

5.2. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến;

5.3. Chuyển đổi số phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; các nền tảng, ứng dụng số;

5.4. Về xây dựng đưa vào vận hành các CSDL quốc gia, chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan;

5.5. Về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu;

6. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Đề xuất các vấn đề thúc đẩy phát triển: Mô hình hợp tác 3 Nhà, Khu công nghệ cao, đô thị thông minh, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ chiến lược, Sở hữu trí tuệ, Trung tâm đổi mới sáng tạo, Công sáng kiến và Sàn giao dịch KHCN, Quỹ đầu tư cho hoạt động KHCN, ĐMST, CDS... Trong đó:

- Phát triển công nghệ chiến lược, lấy doanh nghiệp làm trung tâm;
- Cơ chế tài trợ đề tài/dự án KHCN, đặc biệt cơ chế đồng tài trợ với doanh nghiệp;
- Xây dựng các nghị định riêng về định giá tài sản sở hữu trí tuệ; hình thành doanh nghiệp từ đại học/viện nghiên cứu; Thành lập các phòng thí nghiệm trọng điểm, gắn kết với việc giao thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển công nghệ chiến lược theo mô hình 3 Nhà và đặc biệt mời nhà khoa học quốc tế về làm Giám đốc/Tổng công trình sư lĩnh vực với cơ chế vượt trội (tương đương các nước phát triển).
- Về đổi mới sáng tạo: (1) Tháo gỡ các rào cản về thuế, phí để các nhóm khởi nghiệp không phải sang các nước khác mở công ty; (2) Tập trung vào cơ chế đồng đầu tư với doanh nghiệp, đặc biệt khởi tư nhân.

Một số ví dụ gợi ý:

- Cơ quan, đơn vị tập trung xây dựng và công bố Bộ dữ liệu lớn chất lượng cao theo ngành/lĩnh vực và thí điểm ứng dụng các mô hình Trí tuệ nhân tạo vào các bài toán quản lý nhà nước cụ thể.
- Đưa nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế vốn hóa tài sản trí tuệ và thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp trong đại học (đã đề xuất trước đó) vào nhóm nhiệm vụ trọng tâm bắt buộc.
- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì với Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy Mô hình hợp tác "3 Nhà" (Nhà nước - Nhà trường - Nhà Doanh nghiệp) trở thành động lực chính của ĐMST.
- Các Sở, ngành, địa phương báo cáo các nhiệm vụ, giải pháp để áp dụng ĐMST và CDS song hành để giải quyết các vấn đề nghiệp vụ khó. Ví dụ: Sử dụng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để dự báo các vấn đề xã hội hoặc Áp dụng AI vào việc tự động tạo lập, rà soát văn bản pháp luật hoặc TTHC gắn với KPI để đo lường được, ví dụ: Tối thiểu 03 lĩnh vực (thuộc sở, ngành, địa phương mình quản lý) phải có Mô hình thí điểm ĐMST được số hóa và tạo ra Dữ liệu sạch mới để phục vụ quản lý và ra quyết định trong năm 2026.

- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan xây dựng Cơ chế tài chính, vốn hóa cho hợp tác doanh nghiệp - nhà trường.

7. Về hợp tác quốc tế trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

Một số ví dụ gợi ý:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì báo cáo về giải pháp đẩy mạnh hợp tác chiến lược về tri thức (chuyên gia) và công nghệ tiên phong, chiến lược (AI, bán dẫn, dữ liệu lớn,...); Thực thi các cam kết quốc tế gắn với sản phẩm cụ thể.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan:
(1) Xây dựng mạng lưới đối tác chiến lược để chuyển giao công nghệ lõi và tri thức tiên tiến (đặc biệt trong AI, Chip Bán dẫn, Công nghệ Xanh,...). Sản phẩm là Tối thiểu 03 Bản ghi nhớ/Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược (MOU/Agreement) đã ký kết với các đối tác hàng đầu về các lĩnh vực công nghệ ưu tiên gắn với KPI đo lường được, ví dụ: Tăng ?% số lượng nhà khoa học Việt Nam tham gia các dự án nghiên cứu chung với các đối tác quốc tế so với năm 2025. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Chính sách ưu đãi và cơ chế đặc thù cho việc thành lập các Trung tâm R&D quy mô lớn nhằm thu hút các tập đoàn công nghệ đa quốc gia đặt Trung tâm R&D tại Việt Nam gắn với KPI để đo lường được, ví dụ: có ít nhất 02 Trung tâm R&D của tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới được cấp phép và đi vào hoạt động thí điểm trong năm 2026.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Phần này nêu rõ những đề xuất, kiến nghị (nếu có). Lưu ý: Nội dung đề xuất tới cần rõ cơ quan nào? vấn đề cần giải quyết? (có căn cứ rõ ràng cho việc đề xuất, tránh đề xuất chung, không rõ nội dung, địa chỉ).

→ **Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương** đề xuất các nội dung về phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026, tạo nền tảng cho giai đoạn 2026-2030 tại Phần 2 nêu trên./.

Phụ lục I
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỀ XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN
THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

I. DANH SÁCH VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

→ Các Sở, ngành của tỉnh và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ liệt kê danh sách các văn bản đã ban hành tại đây.

STT	Số hiệu	Tên văn bản	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan/Cấp Ban hành	Những cơ chế/chính sách/quy định mới (chỉ rõ điều, khoản, điểm)	Những vấn đề đã được giải quyết	Đã thực sự mang lại hiệu quả chưa?	Những vấn đề còn chưa được giải quyết (nếu có)
...										

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN CHƯA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, THỰC HIỆN TTHC, DVCTT TOÀN TRÌNH VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ CDS

→ Các sở, ngành của tỉnh và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ liệt kê danh sách các văn bản chưa đáp ứng yêu cầu liên quan đến việc phân cấp, phân quyền, thực hiện TTHC, DVCTT toàn trình và các yêu cầu về CDS trong bối cảnh hiện nay, trong đó có xác định những nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu.

STT	Số hiệu	Tên văn bản	Ngày ký	Ngày có hiệu lực	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan/Cấp Ban hành	Những vấn đề cụ thể chưa đáp ứng yêu cầu liên quan đến việc phân cấp, phân quyền, thực hiện TTHC, DVCTT toàn trình và CDS (Đã đáp ứng/Chưa đáp ứng)	Những nội dung cụ thể cần sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu
...								

Phụ lục II
BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CHUNG XÂY DỰNG VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KHCN, ĐMST, CDS CỦA CÁC CƠ QUAN

→ Sở Tư pháp cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình chung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về KHCN, ĐMST, CDS của các cơ quan

Phụ lục III
KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN DỮ LIỆU
VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA,
CHUYÊN NGÀNH; SỐ HÓA THÔNG TIN DỮ LIỆU

Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan báo cáo chi tiết các thông tin sau:

I. Kết quả rà soát toàn bộ các văn bản liên quan đến dữ liệu (thể chế, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiến trúc...);

II. Tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, chuyên ngành

III. Việc số hóa hồ sơ, tài liệu (TTHC, DVC; xử lý hồ sơ công việc...), dữ liệu chuyên ngành (đất đai, môi trường, hộ tịch, y tế, giáo dục, ...).

Mỗi nội dung cần có đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp để hoàn thiện, thúc đẩy.

Phụ lục IV
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Sở KHCN cung cấp thông tin về công nghệ chiến lược theo các thông tin sau:

STT	Nhóm/sản phẩm công nghệ chiến lược	Trạng thái triển khai (nghiên cứu/thử nghiệm/thương mại hóa)	Doanh nghiệp/đơn vị chủ trì	Tỷ lệ nội địa hóa đã đạt được (%)	Kết quả/Sản phẩm đã có	Khó khăn/Vướng mắc (cơ chế, vốn, nhân lực...)
...						

Phụ lục V
KẾT QUẢ VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

Đề nghị Sở Tài chính và Sở KHCN phối hợp tổng hợp, báo cáo về: Số kinh phí **đã đăng ký, đã được phân bổ, đã giải ngân** cho KHCN, ĐMST, CDS chung của tỉnh và của các sở, ngành và địa phương, trong đó phân tách rõ: nguồn kinh phí (chi đầu tư phát triển/chi thường xuyên); kinh phí cho KHCN, ĐMST; kinh phí cho CDS *(năm 2025 và giai đoạn tiếp theo)*.

Phụ lục VI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KHCN, ĐMST, CDS; CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM

→ Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng nhiệm vụ, báo cáo chi tiết về tình hình hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS (có phân loại: tư nhân, nhà nước, FDI); các phòng thí nghiệm (trong đó có phòng thí nghiệm trọng điểm)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KHCN, ĐMST, CDS (TƯ NHÂN, NHÀ NƯỚC, FDI)

...

II. CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM

...

Phụ lục VII
NĂNG LỰC ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU, VIỆN, TRƯỜNG,
PHÒNG THÍ NGHIỆM

→ Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ báo cáo chi tiết về năng lực đào tạo, nghiên cứu, viện, trường, phòng thí nghiệm tại đây.

Phụ lục VIII

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VỀ MÔ HÌNH HỢP TÁC 3 NHÀ VÀ HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO; KHU CÔNG NGHỆ CAO; ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, cung cấp các thông tin về tình hình triển khai: Mô hình hợp tác 3 Nhà và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; đô thị thông minh; Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trí tuệ nhân tạo AI - First; kết quả triển khai thực hiện của các bên liên quan theo phạm vi quản lý.

I. VỀ MÔ HÌNH HỢP TÁC 3 NHÀ, HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

II. VỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

III. TRIỂN KHAI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI – FIRST)